

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2021/HNGĐ- ST

Ngày: 29-06-2021.

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN – TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Nữ Ngọc Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà: Châu Thanh Nguyên

Ông: Mai Văn Tài

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Kim Liệu

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Ông Châu PhoLy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2021 về “ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2021/QĐXX-ST ngày 09 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Tú N, sinh năm 2001; nơi cư trú: Tổ 8, khóm An Hòa B, thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Lê Tuấn A, sinh năm 1996; nơi cư trú: Tổ 21, khóm An Định A, thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn ly hôn ngày 29-12-2020 và lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tú N trình bày: Vào năm 2019 chị và anh Lê Tuấn A tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, sau khi kết hôn chị và anh Tuấn A về chung sống tại Khóm An Định A, thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Quá trình chung sống chị và anh có với nhau 01 con chung tên Lê Đăng K, sinh ngày 28-9-2020, anh chị hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn trầm trọng hơn bắt đầu từ lúc bé K được 2 tháng tuổi cho đến nay, nguyên nhân chính do vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, đã ly thân từ tháng 10-2020 đến nay. Chị N cho rằng, anh Tuấn A không quan tâm chăm sóc gia đình. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể tiếp tục chị yêu cầu xin ly hôn với anh Lê Tuấn A

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Đăng K, sinh ngày 28-9-2020, hiện đang sống cùng chị, khi ly hôn chị xin được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Tuấn A: Thừa nhận tình trạng hôn nhân như chị N trình bày, anh và chị N tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào năm 2020, sau khi kết hôn anh, chị về chung sống tại Khóm An Định A, thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nhưng mâu thuẫn không lớn, chị N xin ly hôn, anh không đồng ý, anh xin được đoàn tụ để nuôi dưỡng con chung.

Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Đăng K, sinh ngày 28-9-2020, hiện đang sống cùng chị, khi ly hôn anh đồng ý tiếp tục giao cho chị N nuôi dưỡng con chung, không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Tú N giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Lê Tuấn A; về con chung: chị N xin được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Tuấn A đồng ý ly hôn; đồng ý giao con chung chị N tiếp tục nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Về việc chấp hành pháp luật: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về ý kiến việc giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Tú N và Anh Lê Tuấn A tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn vào ngày 14-2-2020. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian, thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, anh Tuấn A không quan tâm chăm sóc gia đình, mặc dù đã Nều lần hàn gắn nhưng không thay đổi. Vợ chồng ly thân từ tháng 10-2020, trong thời gian ly thân cùng không gặp gỡ nhau nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa ông Tuấn A đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con tên Lê Đăng K, sinh ngày 28-9-2020, hiện đang sống chung chị N, đồng thời cháu K dưới 36 tháng tuổi, theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình con chưa đủ 36 tháng tuổi, giao cho mẹ nuôi dưỡng, chăm sóc. Nên giao cháu K cho chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Chị N không yêu cầu anh Tuấn A cấp dưỡng nuôi con chung, không xem xét giải quyết

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ những phân tích trên, đề nghị Tòa án xem xét quyết định.

Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Tú N và anh Lê Tuấn A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá về vụ án như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Lê Tuấn A cư trú tại thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, quan hệ tranh chấp là quan hệ hôn nhân và gia đình là loại tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và theo quy định khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

[2] Về nội dung tranh chấp: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Tú N và anh Lê Tuấn A được xác lập trên cơ sở tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2013, có tổ chức lễ cưới có đăng ký kết hôn theo quy định Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình chung sống vợ chồng, chị N và anh Tuấn A, sau khi kết hôn, anh chị về chung sống tại Khóm An Định A, thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Anh, chị có với nhau 01 con chung tên Lê Đăng K, sinh ngày 28-9-2020. Tại phiên tòa chị N cho rằng chị và anh Tuấn A không hạnh phúc trong cuộc sống gia đình, anh Tuấn A không quan tâm chăm sóc gia đình, cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh Tuấn A không hạnh phúc, mặc dù chị đã Nều lần hàn gắn, nhưng không được, mâu thuẫn trầm trọng hơn bắt đầu khoảng từ khi bé K được 2 tháng tuổi (khoảng tháng 10-2020), chị và anh ly thân từ đó đến nay.

Tại phiên tòa anh Tuấn A thừa nhận tình trạng hôn nhân như chị N trình bày, nhưng mâu thuẫn xảy ra giữa anh và chị không thể hàn gắn. Nay chị N xin ly anh Tuấn A đồng ý ly hôn.

Theo biên bản xác minh ngày 11-5-2021 tại ban khóm An Định A, thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang cho biết chị N và anh Tuấn A có đăng ký kết hôn, tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ba Chúc. Sau khi kết hôn anh, chị về sinh sống tại địa phương, tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh Tuấn A có xảy ra mâu thuẫn hay không ban áp không biết. Chị N và anh Tuấn A có với nhau 01 con chung tên Lê Đăng K, sinh ngày 28-9-2020, hiện đang sống cùng chị N.

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Tú N và anh Lê Tuấn A được xác lập trên cơ sở tự nguyện chung sống, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn, đời sống chung vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, việc hai bên tự nguyện đồng ý thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm quy định của Luật, nên Hội đồng xét xử công nhận giữa chị Nguyễn Thị Tú N và anh Lê Tuấn A thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Đăng K, sinh ngày 28-9-2020, chị N xin nuôi dưỡng con chung, tại phiên tòa anh Tuấn A đồng ý giao con chung cho chị N nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử nhận thấy từ khi anh, chị ly thân đến nay cháu K do chị N chăm nom, nuôi dưỡng. Quá trình nuôi dưỡng chị N đảm bảo các điều kiện nuôi dưỡng cho cháu. Cháu K, sinh ngày 28-9-2020 tính đến thời điểm xét xử cháu K chưa đủ 36 tuổi, tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi..”*. Do vậy nhằm tạo điều kiện sự phát triển toàn diện của các cháu. Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Lê Đăng K, sinh ngày 28-9-2020 cho chị Nguyễn Thị Tú N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Do chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh Tuấn A không yêu cầu, không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tú N là nguyên đơn trong vụ án hôn nhân và gia đình, chị N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 9, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Tú N.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Tú N và anh Lê Tuấn A.

Giấy chứng nhận kết hôn số 17, ngày 14 tháng 02 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Giao Lê Đăng K, sinh ngày 28-9-2020 cho chị Nguyễn Thị Tú N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lê Tuấn A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tú N phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo biên lai thu số 0000690 ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Tri Tôn;
- THADS huyện Tri Tôn;
- UBND thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn;
- Các đương sự;
- Lưu hs, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Nữ Ngọc Lan